

BẢNG GIÁ VẬT LIỆU THÁNG 11 NĂM 2022 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ (BỔ SUNG)*(Ban hành kèm theo Công bố số: /CB - SXD ngày / /2022 của Sở Xây dựng)*

STT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/ quy cách	Đơn giá (đồng/m ³)	Ghi chú
I	VẬT LIỆU ĐẤT SAN LẤP				
1	Đất san lấp	m ³		35,500	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Tam Sơn - Địa điểm khai thác: Mỏ đá xã Hải Lệ, thị xã Quảng Trị
2	Đất san lấp	m ³	K90-K95	40,900	Công ty cổ phần khoáng sản Quảng Trị - Địa điểm khai thác: Mỏ đá Xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Linh
3	Đất san lấp	m ³	K95	33,000	Công ty TNHH MTV Lê Đức Thăng - Địa điểm khai thác: Hồ chứa nước Ái Tử, xã Triệu Ái, huyện Triệu Phong
		m ³	K98	38,000	
4	Đất san lấp	m ³		40,000	Công ty TNHH MTV Toàn Thịnh Quảng Trị - Địa điểm khai thác: Hồ Phú Long (Khe Khê), xã Hải Phú, huyện Hải Lăng
5	Đất san lấp	m ³		40,628	Công ty cổ phần xây dựng Nguyên Khang - Địa điểm khai thác: Hồ Dục Đức, xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Linh
6	Đất san lấp	m ³	K95/K98	37,500	Công ty TNHH Minh Anh - Địa điểm khai thác: Hồ Khe Chanh, Khe Muòn, Tân Sơn 1, Tân Sơn 2 - Xã Hải Chánh, xã Hải Sơn - huyện Hải Lăng

Ghi chú:

- Đơn giá tại địa điểm khai thác: chưa bao gồm VAT, đã bao gồm chi phí xúc lên xe.
- Chủ đầu tư và đơn vị tư vấn khi sử dụng thông tin về giá vật liệu để lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình cần căn cứ vào địa điểm của công trình, địa điểm cung cấp vật tư, khối lượng sử dụng vật liệu, mục tiêu đầu tư, tính chất công trình, yêu cầu thiết kế và quy định về quản lý chất lượng công trình để xem xét, lựa chọn loại vật liệu hợp lý và xác định giá vật liệu phù hợp giá thị trường tại thời điểm xác định chi phí, đáp ứng mục tiêu đầu tư, tránh thất thoát, lãng phí, đạt hiệu quả kinh tế cao nhất.